

NGÔ VĂN VĨNH - LÊ VĂN QUYẾT - NGUYỄN VĂN THẮNG
VŨ VĂN ĐIỂN - ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG - NGUYỄN VĂN TÂM
(BIÊN SOẠN)

Làng nghề

HÀ NAM

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG



SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN HÀ NAM - SỞ CÔNG NGHIỆP HÀ NAM
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Thực hiện và xuất bản

Gương mặt
Việt Nam
BỘ SÁCH - LỊCH SỬ - KINH TẾ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI

NGÔ VĂN VINH - LÊ VĂN QUYẾT - NGUYỄN VĂN THẮNG
VŨ VĂN ĐIỂN - ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG - NGUYỄN VĂN TÂM
(BIÊN SOẠN)

Làng nghề **HÀ NAM** TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG



SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN HÀ NAM - SỞ CÔNG NGHIỆP HÀ NAM
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT
Thực hiện và xuất bản



Gương mặt
Việt Nam
BỘ SÁCH - LỊCH SỬ - KINH TẾ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI



Thực hiện tại **CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT**
TẬP ĐOÀN XUẤT BẢN TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ VĂN HOÁ VIỆT NAM

Số 17 Ngô 180 - Phố Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84-4) 8.561647 - (84-4) 5.145462 * Fax: (84-4) 8.561647 * E-mail: vhtriviet@hn.vnn.vn

Làng nghề Hà Nam
TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

680.095737

L 106 N

NGÔ VĂN VINH - LÊ VĂN QUYẾT - NGUYỄN VĂN THẮNG
VŨ VĂN DIỄN - ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG - NGUYỄN VĂN TÂM
(*Biên soạn*)

Làng nghề
HÀ NAM
TIỀM NĂNG
VÀ TRIỂN VỌNG

ĐC: 605

THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN HÀ NAM - SỞ CÔNG
NGHIỆP HÀ NAM & CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Phối hợp xuất bản



LỜI ĐẦU SÁCH

CỦA ĐỒNG CHÍ

TĂNG VĂN PHẢ - BÍ THƯ TỈNH ỦY

CHỦ TỊCH HÒND TỈNH HÀ NAM

Hà Nam là một tỉnh thuần nông, tiềm năng phát cho xây dựng, phát triển kinh tế thật về công việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của nông dân mà còn góp phần quan trọng vào việc giải quyết những vấn đề xã hội một cách hài hòa.

Cuốn sách "Lĩnh vực (Hà Nam)" là tác phẩm giới thiệu những chủ trương chính sách cơ bản của tỉnh ủy, UBND tỉnh để giới thiệu với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực có nhiều tiềm năng như: công nghệ, sách cũng giới thiệu một số lĩnh vực truyền thống - đặc sản của tỉnh, nông nghiệp, những thời cơ và người có công, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Hà Nam. Là được UBND tỉnh công nhận là cơ sở cho các nhà đầu tư có cơ hội tiếp xúc.

Cuốn sách "Lĩnh vực (Hà Nam)", lần đầu tiên được công bố trên báo Nhân dân thể hiện tinh thần quyết tâm của những tác giả với mong muốn nâng cao chất lượng cuốn sách để được hỗ trợ phong phú hơn, đáp ứng được mong muốn của hàng loạt các quan tâm đến lĩnh vực này.

Nhân dịp cuốn sách "Lĩnh vực (Hà Nam)" được xuất bản lần đầu, thay mặt tỉnh ủy, tôi xin được biểu dương sự cố gắng của nhóm tác giả - mong các đồng chí cố gắng nhiều hơn nữa góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

Chúc thành công!

T. Văn Phả

Tăng Văn Phả

TỈNH ỦY HÀ NAM

Số 08 - NQ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phủ Lý, ngày 02 tháng 5 năm 2003

NGHỊ QUYẾT

của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, thực hiện chủ trương của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, XVI; các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và làng nghề đạt được kết quả bước đầu quan trọng; tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất năm 2002 gấp 5 lần so với năm 1997. Một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp từng bước được hình thành và đi vào hoạt động, nhiều làng nghề được củng cố và phát triển, đã tạo việc làm cho hàng chục ngàn lao động, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp địa phương phát triển còn chậm (bình quân 1997

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

- 2002 giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng 33,3%/năm, trong đó công nghiệp Trung ương tăng 90,36%/năm, công nghiệp địa phương chỉ tăng 13,4%/năm). Quy mô sản xuất nhỏ bé, phân tán, hiệu quả thấp, sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu còn nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền có mặt còn hạn chế; một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa nhận thức sâu sắc vị trí, ý nghĩa quan trọng của phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trong sự nghiệp CNH, HĐH. Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư chưa đồng bộ, môi trường đầu tư thiếu hấp dẫn; thủ tục hành chính chưa thông thoáng, một số dự án còn bị ách tắc do việc giải phóng mặt bằng, thu hồi đất chậm. Năng lực bộ máy quản lý doanh nghiệp còn yếu, thiếu những nhà doanh nghiệp giỏi và đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề bậc cao; nhiều doanh nghiệp vẫn còn tư tưởng trông chờ bao cấp, ỷ lại vào Nhà nước. Tình nhà mới tái lập còn có nhiều khó khăn, xuất phát điểm về kinh tế còn thấp; cơ sở vật chất kỹ thuật vừa thiếu, lại không đồng bộ, đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. Phương hướng, nhiệm vụ.

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVI về phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp (CN, TTCN) và làng nghề, gắn phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng; coi trọng phát triển CN, TTCN cùng với phát triển ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn theo Nghị quyết 03 (khóa XVI) của Tỉnh ủy là khâu đột phá để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi nhất để khuyến khích đầu tư; phát huy tiềm năng, thế mạnh và các nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển CN, TTCN. Tập trung phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực có nhiều lợi thế, ngành nghề thu hút được nhiều lao động và những cơ sở sản xuất làm vệ tinh cho các trung tâm công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với tốc độ nhanh. Ưu tiên mọi điều kiện thuận lợi để công nghiệp Trung ương phát triển trên địa bàn. Đầu tư công nghệ, mở rộng sản xuất.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có; đồng thời khuyến khích xây dựng các cơ sở sản xuất mới, mở rộng kinh tế đối ngoại; chú trọng củng cố, khôi phục và phát triển mạnh ngành nghề và làng nghề truyền thống có khả năng xuất khẩu đi đôi với phát triển ngành nghề mới ở nông thôn.

Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tăng trưởng bình quân từ nay đến 2005 đạt 20%/năm trở lên, đưa tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế (GDP) của tỉnh đạt 34% trở lên.

II. Những giải pháp chủ yếu.

1. Về qui hoạch và tổ chức sản xuất.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2001 - 2010 và quy hoạch phát triển công nghiệp được phê duyệt; các địa phương, các ngành cần rà soát lại quy hoạch, kiểm tra quỹ đất, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, chất lượng lao động làm cơ sở để xây dựng các dự án, kêu gọi thu hút đầu tư vào lĩnh vực cần phát triển trong thời gian tới như: sản xuất các sản phẩm từ đá, xi măng, chế biến nông sản thực phẩm, thức ăn gia súc, công nghiệp hóa

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

chất, công nghiệp dệt may, cơ khí... Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, ưu tiên dành quỹ đất cho phát triển CN, TTCN và làng nghề gắn với quy hoạch phát triển ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn và quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa phục vụ phát triển CN, TTCN theo tinh thần Nghị quyết 03 (khóa XVI) của Tỉnh ủy.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu, bổ sung quy hoạch và tăng cường quản lý sử dụng có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản phục vụ phát triển công nghiệp trên địa bàn, ưu tiên phục vụ công nghiệp Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ xây dựng dây chuyền 2 Xi măng Bút Sơn Trung ương.

- Xây dựng quy hoạch phát triển khu công nghiệp (KCN); cụm công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp (CN - TTCN); cụm tiểu, thủ công nghiệp (TTCN) trên địa bàn tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển CN, TTCN và làng nghề với bảo vệ môi trường sinh thái; gắn quản lý môi trường ngay từ khi quy hoạch, phê duyệt các dự án.

+ Đối với KCN tập trung: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, tiến tới mở rộng KCN Đông Văn, Châu Sơn, phát huy lợi thế về lao động, đất đai phát triển các KCN mới. Xây dựng kịp thời cơ sở hạ tầng

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

trong và ngoài hàng rào, đảm bảo sự phát triển đồng bộ của các KCN.

+ Đối với ngành nghề, tiểu, thủ công nghiệp: Đẩy mạnh xây dựng quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng các cụm CN - TTCN ở các huyện, thị xã và cụm TTCN ở xã, thị trấn; củng cố, mở rộng, làng nghề truyền thống và phát triển làng nghề mới sản xuất những mặt hàng có lợi thế, có khả năng cạnh tranh và đang tiêu thụ tốt như: mây giang, tre đan, thêu ren, dệt lụa..., phát triển mạnh chế biến nông sản thực phẩm và ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp trong nông thôn theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

2. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, mở rộng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế.

Trên cơ sở phương án sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước theo tinh thần NQTW3 (Khóa IX), Ban chỉ đạo sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp của tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, các huyện, thị xã rà soát, kiểm tra lại, đánh giá kết quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở, ngành, địa phương mình quản lý. Những doanh nghiệp đã được sắp xếp xong, cần quan tâm đầu tư, nâng cao hiệu quả sản

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

xuất kinh doanh, tạo điều kiện tham gia làm thành viên của các tổng công ty. Những doanh nghiệp đang thực hiện sắp xếp và chưa sắp xếp phải tích cực xây dựng phương án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong năm 2005.

Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế và phát triển các HTX nghề.

Làm tốt công tác xây dựng Đảng, phát triển tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn trong các doanh nghiệp.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư.

- Thực hiện nhất quán các chủ trương, chính sách, qui định của Trung ương: xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của tỉnh về khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất và có ưu đãi thỏa đáng để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư và thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Hàng năm tỉnh dành một phần ngân sách xây dựng quỹ khuyến công để hỗ trợ phát triển CN, TTCN và làng

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

nghề: Trợ giúp cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, khuyến khích các đề tài khoa học được áp dụng vào sản xuất, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ truyền nghề, tiêu thụ sản phẩm và khen thưởng...

- Các ngân hàng, tổ chức tín dụng xây dựng kế hoạch phục vụ phát triển CN, TTCN và làng nghề: đa dạng hóa các hình thức cho vay vốn, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng để các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế được quyền vay vốn phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và làng nghề.

- Xây dựng quy chế quản lý các KCN, cụm CN, TTCN, cụm TTCN. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng một đầu mối; qui định cụ thể về thẩm quyền, qui trình và thời gian thẩm định, cấp giấy phép đầu tư của các cơ quan quản lý Nhà nước với thời gian nhanh nhất; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi.

4. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong, ngoài nước và tham gia hội nhập.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại với nhiều hình thức như: Hội chợ triển lãm, thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, đại lý, giới thiệu qua mạng

INTERNET, quảng cáo, khuyến mại... để giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế khuyến khích các tổ chức và cá nhân, các thành phần kinh tế chủ động tìm kiếm thị trường, thực hiện tốt gắn sản xuất với tiêu thụ thông qua hợp đồng; liên doanh, liên kết, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ hợp tác, tích cực tham gia vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

5. Đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ.

Nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ, gắn nghiên cứu khoa học vào sản xuất trên địa bàn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Có cơ chế thu hút và bồi dưỡng nhân tài để có nhiều cán bộ khoa học và nghệ nhân giỏi. Làm tốt công tác thông tin khoa học công nghệ, công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đăng ký chất lượng hàng hóa, hệ thống quản lý ISO, áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề.

Quan tâm đầu tư đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

động. Khuyến khích các cơ sở dạy nghề trực tiếp ký hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp. Ưu tiên đào tạo, sắp xếp việc làm cho lao động tại các địa phương lấy đất làm KCN, cụm CN - TTCN. Đầu tư nâng cấp, tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở dạy nghề của tỉnh.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp, các ngành.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của phát triển CN, TTCN, coi đây vừa là nhiệm vụ cấp bách vừa là nhiệm vụ lâu dài, để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu, tự giác chấp hành chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển CN, TTCN; phát huy vai trò của mình tham gia vận động, thuyết phục, giải thích để nhân dân thực hiện.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và tổ chức Đảng. Đưa vào nội dung họp thường kỳ và tổ chức tốt kiểm tra của cấp ủy thực hiện Nghị quyết để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo đạt kết quả cao.

- Các huyện, thị xã và các ngành chức năng của tỉnh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực CN, TTCN và làng nghề.

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết từ tỉnh đến cơ sở, do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh.

2. UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai và chỉ đạo các Sở, ban, ngành chức năng xây dựng đề án, hướng dẫn các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết sát hợp với tình hình địa phương. Làm tốt công tác sơ, tổng kết, kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

3. Các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các ngành, đoàn thể triển khai kịp thời tổ chức học tập Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh; xây dựng kế hoạch cụ thể, sát với địa phương, đơn vị để thực hiện Nghị quyết này gắn với thực hiện Nghị quyết 03 (khóa XVI) của Tỉnh ủy đạt hiệu quả cao.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

4. Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân làm tốt công tác giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên thi đua thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế của tỉnh.

5. Cơ quan báo, đài, văn hóa, thông tin làm tốt công tác tuyên truyền, kịp thời giới thiệu, nêu gương, động viên các điển hình tiên tiến trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Công nghiệp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng TW Đảng (để báo cáo),
- Ban Kinh tế TW Đảng (để báo cáo),
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- HĐND, UBND tỉnh,
- Ban Cán sự đảng, đảng đoàn, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Chánh, Phó VPTU,
- Phòng TTTH VPTU,
- Lưu VPTU.

TM. TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Tàng Văn Phả
(Đã ký)

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1185/2003/QĐ-UB

Hà Nam, ngày 14 tháng 10 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ NAM

*V/v ban hành Quy định thành lập,
quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công*

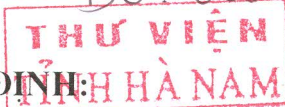
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND (*sửa đổi*) đã được Quốc hội thông qua ngày 21/6/1994;

Căn cứ Kế hoạch số 373/KH-UB ngày 26/5/2003 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh Hà Nam về đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 387/TT-CN ngày 26/9/2003,

ĐC: 605
QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “*Quy định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công*”.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1154/QĐ-UB của UBND tỉnh Hà Nam ngày 22/10/2001 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Những Quy định trước đây trái với Quy định ban hành tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong tỉnh, các đơn vị và các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND (để h/c).
 - Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh.
 - Như điều 3.
 - Báo, Đài PTTH tỉnh.
 - LĐVP, các CV.
 - Lưu VT, CN.
- qd qk công.

Đình Văn Cường
(Đã ký)

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

V/v thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công
(Ban hành theo Quyết định số 1185/2003/QĐ-UB ngày 14 tháng 10
năm 2003 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quỹ khuyến công được thành lập nhằm hỗ trợ kinh phí khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư, sản xuất, phát triển các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

2.1. Đối tượng được hỗ trợ Quỹ khuyến công:

+ Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp tham gia đầu tư, sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

+ Các tổ chức, cá nhân hoạt động khuyến công.

2.2. Phạm vi áp dụng:

Quy định này chỉ áp dụng cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Hà Nam và ngoài các khu công nghiệp của tỉnh, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện, thị xã.

Chương II

THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ KHUYẾN CÔNG

Điều 3. Quỹ khuyến công được thành lập từ các nguồn

- Nguồn ngân sách của tỉnh bố trí theo kế hoạch giao hàng năm.

- Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện hỗ trợ, đóng góp.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công.

4.1. Quỹ khuyến công có Ban chỉ đạo điều hành do Phó chủ tịch UBND tỉnh là trưởng ban, Giám đốc Sở Công nghiệp là phó ban và lãnh đạo một số sở, ban, ngành là ủy viên do UBND tỉnh quyết định.

4.2. Sử dụng Quỹ khuyến công đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

4.3. Mỗi dự án chỉ được hỗ trợ 1 lần.

Điều 5. Nội dung sử dụng Quỹ khuyến công

5.1. Hỗ trợ 100% kinh phí cho công tác điều tra, lập quy hoạch phát triển, khôi phục nghề, làng nghề.

5.2. Hỗ trợ 100% tiền thuê giáo viên, tổ chức lớp học cho việc truyền nghề, nhân cấy nghề tại các xã.

5.3. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc kinh phí chuyển giao công nghệ mới cho các cơ sở sản xuất (không quá 50 triệu đồng) thuộc các lĩnh vực sau:

- Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm mới, nâng cao sức cạnh tranh.

- Giải quyết môi trường.

5.4. Hỗ trợ 100% kinh phí cho việc bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, các chính sách pháp luật trong đầu tư, thị trường giá cả, quản trị kinh doanh cho các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

5.5. Hỗ trợ 50% kinh phí để xây dựng thương hiệu sản phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000, đăng ký nhãn hiệu, mã vạch cho các sản phẩm tại Hà Nam.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

5.6. Hỗ trợ 100% kinh phí cho cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp thông tin thị trường tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, (kinh phí được UBND tỉnh xem xét phê duyệt).

Điều 6. Trình tự, thủ tục để được hỗ trợ từ Quỹ khuyến công.

6.1. Căn cứ vào kế hoạch phân bổ Quỹ khuyến công hàng năm đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính Vật giá xây dựng kế hoạch hỗ trợ cụ thể cho từng dự án.

6.2. Các dự án nằm trong kế hoạch được hỗ trợ từ Quỹ khuyến công do chủ đầu tư lập thông qua xác nhận của UBND cấp huyện, thị xã. Sở Công nghiệp là cơ quan thường trực tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo điều hành Quỹ khuyến công thẩm định, thống nhất trình UBND tỉnh ra quyết định mức hỗ trợ cho từng dự án.

Điều 7. Quản lý Quỹ khuyến công

7.1. Sở Công nghiệp là cơ quan thường trực giúp Ban chỉ đạo quản lý cấp phát Quỹ khuyến công cho các dự án được hỗ trợ tại điều 5 Quy định này, được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam và sử dụng con dấu của Sở Công nghiệp.

7.2. Sở Tài chính Vật giá là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh và Ban chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát, thanh quyết toán của Sở Công nghiệp đối với các dự án được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8.

8.1. Giao Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công tại đơn vị có dự án hỗ trợ theo đúng quy định.

8.2. Các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng Quỹ khuyến công có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng chế độ theo quy định.

Điều 9. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Đình Văn Cường
(Đã ký)

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

Số 208/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ NAM *V/v ban hành Quy định về tiêu chuẩn làng nghề tiêu thủ công nghiệp tỉnh Hà Nam*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Kế hoạch 373/KH-UB ngày 26/5/2003 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 15/TT-CN ngày 30/01/2004.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định về tiêu chuẩn làng nghề tiêu thủ công nghiệp tỉnh Hà Nam*”.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công nghiệp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND tỉnh (để b/c).
- Như điều 3.
- 1.ĐVP (2); CV: CN, TCTM, NC.
- Lưu VT, CN.
- qd Làng nghề.

Đình Văn Cường
(Đã ký)

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về tiêu chuẩn làng nghề tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UB ngày 09 tháng 02 năm 2004 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Xây dựng, phát triển ngành nghề, làng nghề, nghề cổ truyền và nghề mới sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường hiệu lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Khuyến khích động viên thợ thủ công có trình độ cao về kỹ thuật, tay nghề và kinh nghiệm trong việc: Nghiên cứu, sáng tác, phục hồi, phục chế các sản phẩm và du nhập nghề mới; tập trung trí tuệ sản xuất ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế, mang bản sắc văn hóa dân tộc, có tính nghệ thuật cao, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

3. Xây dựng nông thôn mới, phát triển ngành nghề, làng nghề phải gắn với công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường của từng vùng, từng xã theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này chỉ áp dụng cho các làng nghề, làng nghề truyền thống, làng nghề mới trong tỉnh Hà Nam thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp.

Điều 3. Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Làng nghề*”: Là một cụm dân cư sinh sống trong một làng (thôn, tương đương thôn) có hoạt động ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất ở từng hộ gia đình hoặc các cơ sở trong làng; có sử dụng các nguồn lực trong và ngoài địa phương, phát triển tới mức

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

trở thành nguồn sống chính hoặc thu nhập chủ yếu của người dân trong làng.

2. “*Làng nghề truyền thống*”: Là làng nghề có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, sản phẩm có tính truyền thống địa phương, có uy tín trên thị trường, có giá trị kinh tế và văn hóa cao.

3. “*Làng nghề mới*”: Là làng nghề mới được hình thành do yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương.

Chương II

TIÊU CHUẨN, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA LÀNG NGHỀ

Điều 4. Tiêu chuẩn làng nghề:

1. Tiêu chuẩn làng nghề, làng nghề mới:

- Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

- Số lao động làm các nghề tiểu thủ công nghiệp của làng nghề đạt trên 50% lao động của làng (tối thiểu là 50 hộ trở lên).

- Giá trị sản xuất của làng nghề chiếm tỷ trọng trên 70% trở lên so với tổng giá trị sản xuất của làng.

2. Tiêu chuẩn làng nghề truyền thống:

Làng nghề truyền thống phải đạt các tiêu chuẩn như mục 4.1 và đảm bảo: Có nghề sản xuất lâu đời tối thiểu là 50 năm và có ít nhất 30% số lao động của làng làm nghề truyền thống có thu nhập ổn định và đạt giá trị sản xuất trên 50% so với tổng giá trị sản xuất của làng.

Điều 5. Trách nhiệm của làng nghề:

Tích cực đầu tư, mở rộng sản xuất, quan tâm cải tiến công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường. Bám sát nhu cầu thị trường để sản xuất mặt hàng mới, du nhập nghề mới đồng thời chú trọng đảm bảo môi trường sinh thái duy trì sự phát triển bền vững.

Điều 6. Quyền lợi của làng nghề:

1. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất trong làng nghề được ưu tiên hưởng các chế độ ưu đãi về phát triển nghề và làng nghề của UBND tỉnh và các chính sách hiện hành của Nhà nước.

2. Mỗi một làng nghề được UBND tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề đủ tiêu chuẩn được hỗ trợ một lần 20 triệu đồng lấy từ nguồn Quỹ khuyến công hàng năm, nhằm phục vụ cho các chương trình phát triển ngành nghề và làng nghề của địa phương.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT DUYỆT CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ

Điều 7. Trình tự, thủ tục xét duyệt, công nhận làng nghề.

1. Các địa phương có làng nghề tiểu thủ công nghiệp, kể cả làng nghề truyền thống, làng nghề mới do nhân dân tự suy tôn muốn được công nhận làng nghề đạt tiêu chuẩn đều phải đăng ký xây dựng làng nghề với UBND huyện, thị xã.

2. Nếu đạt tiêu chuẩn như điều 4 của quy định này trong thời gian ít nhất là 02 năm thì UBND xã, phường, thị trấn có văn bản đề nghị, được UBND huyện, thị xã xác nhận và đồng ý gửi hồ sơ trực tiếp về Sở Công nghiệp Hà Nam.

3. Sở Công nghiệp Hà Nam chủ trì thống nhất với các sở, ban, ngành liên quan ở tỉnh và trình UBND tỉnh xét, cấp công nhận làng nghề đủ tiêu chuẩn.

4. Hồ sơ để xét công nhận làng nghề gồm:

+ Đơn đăng ký xây dựng làng nghề.

+ Bản báo cáo thành tích của làng nghề (theo tiêu chuẩn quy định).

+ Văn bản đề nghị của UBND xã, phường, thị trấn có xác nhận của UBND huyện, thị xã.

5. Định kỳ UBND tỉnh xét, cấp công nhận làng nghề đủ tiêu chuẩn vào tháng 12 hàng năm.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công trách nhiệm:

1. UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

+ Tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái tham gia xây dựng, phát triển ngành nghề, làng nghề, gắn với xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa.

+ Chỉ đạo các làng nghề chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, hàng năm tiến hành sơ, tổng kết về tình hình hoạt động của làng nghề. Rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo để không ngừng phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống và du nhập nghề mới.

2. Các sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được giao phối hợp với UBND các huyện, thị xã tổ chức hướng dẫn các địa phương không ngừng phát huy thế mạnh, du nhập nghề mới để xây dựng nhiều làng

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

nghề, quan tâm phát huy vai trò của nghề nhân trong sự nghiệp phát triển nghề và làng nghề.

3. Hàng năm Sở Công nghiệp phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã tiến hành tổng kết việc phát triển làng nghề, du nhập nghề gắn liền với công tác tổng kết hoạt động ngành nghề của địa phương.

Điều 9. Điều khoản thi hành:

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, UBND các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành, các làng nghề, cơ sở sản xuất trong làng nghề phản ánh về Sở Công nghiệp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Đình Văn Cường
(Đã ký)

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

Số 209/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ NAM

V/v ban hành Quy định về tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận danh hiệu và một số chế độ ưu đãi đối với thợ giỏi, nghệ nhân, người có công đưa nghề mới về tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Kế hoạch 373/KH-UB ngày 26/5/2003 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 16/TT-CN ngày 30/01/2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy định về tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận danh hiệu và**

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

một số chế độ ưu đãi đối với thợ giỏi, nghệ nhân, người có công đưa nghề mới về tỉnh Hà Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những Quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công nghiệp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND tỉnh (để b/c).
- Như điều 3.
- LĐVP (2): CV: CN, TCTM, NC.
- Lưu VT, CN.
- qd nghệ nhân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Đình Văn Cường
(Đã ký)

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

*Tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận danh hiệu
và một số chế độ ưu đãi đối với thợ giỏi, nghệ nhân,
người có công đưa nghề mới về tỉnh Hà Nam*

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-UB ngày 09 tháng 02 năm
2004 của UBND tỉnh Hà Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Nhằm khuyến khích, phát huy vai trò của các nghệ nhân thợ giỏi, người có công đưa nghề mới về tỉnh Hà Nam trong việc xây dựng, khôi phục và phát triển ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống, làng nghề mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Góp phần phát triển sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng cường xuất khẩu, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Là công dân có hộ khẩu thường trú tại Hà Nam, làm việc trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề của tỉnh Hà Nam. Riêng người có công đưa nghề mới về tỉnh không nhất thiết có hộ khẩu tại Hà Nam.

Điều 3. Hội đồng xét công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh và người có công đưa nghề mới về tỉnh Hà Nam được UBND tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của giám đốc Sở Công nghiệp.

Chương II **TIÊU CHUẨN**

Điều 4. Tiêu chuẩn xét công nhận danh hiệu thợ giỏi cấp tỉnh.

1. Là thợ lành nghề, có trình độ kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp giỏi, có khả năng sáng tác mẫu mã đạt trình độ cao mà người thợ bình thường khác không làm được.

2. Làm việc có năng suất, chất lượng cao; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt được những người trong nghề, cùng làm việc thừa nhận.

3. Có sản phẩm đoạt giải trong các cuộc thi tay nghề, thợ giỏi ở trong nước, khu vực và quốc tế. Những người không có điều kiện tham gia thi tay nghề, thợ giỏi thì phải có sản phẩm đạt trình độ kỹ thuật cao và được tập thể cùng làm việc nhiều năm ở đơn vị nhất trí suy tôn.

Điều 5. Tiêu chuẩn xét công nhận danh hiệu nghệ nhân cấp tỉnh

1. Là người có trình độ kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp điều luyện; có khả năng sáng tác mẫu mã đạt trình độ nghệ thuật cao mà người thợ lành nghề khác không làm được.

2. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, có phẩm chất đạo đức, lối sống được những người trong nghề, lĩnh vực người đó hoạt động tôn vinh, thừa nhận.

3. Có tác phẩm đạt trình độ nghệ thuật cao: Đạt huy chương vàng, huy chương bạc trong các cuộc thi triển lãm quốc gia hoặc quốc tế. Đối với những người không có điều kiện tham gia các cuộc triển lãm thì phải có tác phẩm đạt trình độ nghệ thuật cao được hội đồng công nhận.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

4. Có công đóng góp trong việc giữ gìn, phát triển, đào tạo và truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ.

Điều 6. Tiêu chuẩn xét công nhận người có công đưa nghề mới về tỉnh.

1. Nghề được du nhập vào tỉnh Hà Nam là nghề mới ở Hà Nam chưa có, sản phẩm phải được thị trường chấp nhận.

2. Quy mô về lao động tối thiểu phải đạt 150 người trở lên.

3. Thời gian duy trì và phát triển nghề mới tối thiểu là 02 năm trở lên.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỜI GIAN, HỒ SƠ XÉT CÔNG NHẬN VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI THỢ GIỎI, NGHỆ NHÂN CẤP TỈNH VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG ĐƯA NGHỀ MỚI VỀ TỈNH

Điều 7. Trình tự, thời gian, hồ sơ xét các danh hiệu

1. Trình tự

+ Ủy ban Nhân dân xã, phường có các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất: Tổ chức

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

tuyển chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, lập hồ sơ gửi văn bản đề nghị lên UBND huyện, thị xã.

+ Ủy ban Nhân dân huyện, thị xã: Tập hợp hồ sơ, xác nhận, lập danh sách và gửi văn bản đề nghị về Hội đồng xét công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh. Sở Công nghiệp là cơ quan thường trực.

+ Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh tổ chức thẩm định, xét duyệt những người đủ tiêu chuẩn trình Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định cấp bằng công nhận các danh hiệu.

2. Thời gian

Thời gian tổ chức xét công nhận các danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, người có công đưa nghề mới về tỉnh theo định kỳ vào tháng 12 hàng năm.

3. Hồ sơ

Hồ sơ xét công nhận các danh hiệu gồm có:

+ Đơn của người được xét công nhận danh hiệu.

+ Bản thành tích của người được đề nghị xét công nhận danh hiệu: thợ giỏi, người có công đưa nghề mới về tỉnh do UBND cấp xã xác nhận.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

+ Bản sao hợp lệ các giấy chứng nhận huy chương đã đoạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước, khu vực hoặc quốc tế (nếu có).

+ Biên bản xét duyệt và văn bản đề nghị công nhận danh hiệu:

- Danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân do UBND cấp xã thực hiện.

- Người có công đưa nghề mới về tỉnh do Ủy ban Nhân dân cấp xã, UBND cấp huyện thực hiện.

Điều 8. Một số chế độ ưu đãi

1. Chế độ đối với thợ giỏi

+ Được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận danh hiệu thợ giỏi và được thưởng một lần một khoản tiền hoặc hiện vật trị giá là 02 triệu đồng.

+ Được tổ chức truyền, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

+ Được mời tham gia các cuộc thi tay nghề, thợ giỏi do nhà nước tổ chức ở trong nước và quốc tế.

2. Chế độ đối với nghệ nhân.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

+ Được UBND tỉnh cấp bằng công nhận danh hiệu nghệ nhân cấp tỉnh và được thưởng một lần một khoản tiền hoặc hiện vật trị giá là 03 triệu đồng.

+ Được tổ chức truyền nghề, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

+ Được tham gia các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, cải tiến mẫu mã, tạo dáng sản phẩm, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất lao động, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh từ nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học của tỉnh.

+ Được nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với những sản phẩm làm ra theo luật bản quyền tác giả, tác phẩm.

+ Được đề nghị hội đồng cấp trung ương xét công nhận danh hiệu nghệ nhân cấp nhà nước.

3. Chế độ đối với người có công đưa nghề mới về tỉnh.

+ Được UBND tỉnh cấp bằng khen, và được thưởng một lần một khoản tiền hoặc hiện vật trị giá 05 triệu đồng.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Sở Công nghiệp Hà Nam là cơ quan thường trực tiếp nhận hồ sơ, trình hội đồng duyệt cấp tỉnh để xét công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, người có công đưa nghề mới về tỉnh Hà Nam.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có gì vướng mắc, UBND các huyện, thị xã, các cơ sở sản xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Đình Văn Cường
(Đã ký)

ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ HÀ NAM



Đ/c NGÔ VĂN VĨNH
Giám đốc Sở Công nghiệp Hà Nam

...Việc phát triển làng nghề là một bộ phận quan trọng của CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn trong những năm đầu của thế kỷ 21. Do đó, để khắc phục tình trạng nêu trên, tạo điều kiện thúc đẩy TTCN và làng nghề phát triển hơn nữa theo tinh thần Nghị quyết số 03/NQ-TU về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và phát triển ngành nghề dịch vụ ở nông thôn và Nghị quyết số 08/NQ-TU về đẩy mạnh phát triển công nghiệp và TTCN của Tỉnh ủy thì cần phải tập trung phát triển làng nghề theo hướng củng cố và phát triển các làng nghề truyền thống, đồng thời du nhập thêm các nghề mới có giá trị kinh tế cao nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm truyền thống có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh những ngành nghề sử dụng được nhiều lao động. Khai thác tốt về tiềm năng (về tự nhiên, kinh tế, xã hội), các lợi thế của tỉnh. Phát triển làng nghề với tốc độ tăng trưởng nhanh, đồng thời bảo đảm tính phát triển bền vững, bảo vệ được môi trường sinh thái...

Từ khi tỉnh Hà Nam được tái lập (Tháng 01/1997) tới nay, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, ngành công nghiệp tỉnh Hà Nam đã có bước phát triển ổn định và vững chắc. Nếu như năm 1997, giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) cả tỉnh mới đạt 292,45 tỷ đồng, đến năm 2003 đã đạt giá trị 1.965 tỷ đồng (tăng gấp 6,7 lần năm 1997). Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 1997 - 2002 là 33,3%/năm. Đây là tốc độ tăng cao so với các tỉnh trong khu vực.

Kết quả nêu trên có phần đóng góp quan trọng của ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và làng nghề vì Hà Nam có nhiều làng nghề truyền thống lâu đời như dệt lụa Nha Xá, trống Đọi Tam (Duy Tiên), sừng mỹ nghệ An Lão (Bình Lục), mộc Cao Đà (Lý Nhân),... do đó Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo và xác định làng nghề sản xuất TTCN không những chỉ có ý nghĩa giải quyết đơn thuần về vấn đề kinh tế mà còn góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội có hiệu quả như giải quyết việc làm, tham gia xóa đói giảm nghèo đồng thời còn góp phần tích cực vào việc làm giảm các tệ nạn xã hội ở nông thôn.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Ngoài việc tập trung chỉ đạo hỗ trợ giúp đỡ xây dựng hạ tầng xã hội các làng nghề truyền thống như: đường giao thông, điện, nước, giải quyết vấn đề về môi trường,... theo Quyết định số 165/QĐ-UB của UBND tỉnh, các làng nghề mới, các ngành nghề mới đều được hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 1154/QĐ-UB 1185/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh. Vì thế, tình hình sản xuất công nghiệp ở các làng nghề ngày càng trở nên sôi động, các sản phẩm truyền thống như lụa, thêu ren, mây - giang đan, trống, sừng mỹ nghệ, gốm... không ngừng tăng về số lượng, chủng loại và mẫu mã ngày một đa dạng, phong phú phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng hơn. Một số sản phẩm mới đã xuất hiện ở làng nghề mới như: nửa ghép, mi giả, rượu,... ở Bình Lục. Điều đó cho thấy phát triển TTCN và làng nghề thu hút lao động và giải quyết việc làm ngày càng cao, nhiệm vụ giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội ở nông thôn có hiệu quả rõ rệt.

Tuy những kết quả đạt được như trên là đáng phấn khởi, song sản xuất CN - TTCN và làng nghề của Hà Nam còn có nhiều khó khăn, đó là: Sản xuất còn manh mún, tự phát, thiếu vốn để đổi mới thiết bị, công nghệ. Trình độ quản lý còn thấp, hầu hết người

quản lý chưa qua lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức quản lý, kỹ thuật mới một cách có hệ thống để đáp ứng các yêu cầu của cơ chế thị trường. Các sản phẩm làng nghề sản xuất ra tiêu thụ còn khó khăn do chưa có đầu mối tiêu thụ tập trung, thiếu thông tin về thị trường, khả năng tiếp xúc trực tiếp với khách hàng bị hạn chế. Việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước ở làng nghề còn nhiều bất cập như: chưa đăng ký sản xuất kinh doanh đầy đủ, hàng kém chất lượng, trốn lậu thuế, vệ sinh môi trường chưa được quan tâm. Môi trường một số làng nghề đang nảy sinh những bức xúc, việc giải quyết còn nhiều vấn đề nan giải nhất là kinh phí và kỹ thuật xử lý.

Việc phát triển làng nghề là một bộ phận quan trọng của CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn trong những năm đầu của thế kỷ 21. Do đó, để khắc phục tình trạng nêu trên, tạo điều kiện thúc đẩy TTCN và làng nghề phát triển hơn nữa theo tinh thần Nghị quyết số 03/NQ-TU về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và phát triển ngành nghề dịch vụ ở nông thôn và Nghị quyết số 08/NQ-TU về đẩy mạnh phát triển công nghiệp và TTCN của Tỉnh ủy thì cần phải tập trung phát triển làng nghề theo hướng củng cố và phát triển các làng nghề truyền thống, đồng

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

thời du nhập thêm các nghề mới có giá trị kinh tế cao nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm truyền thống có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh những ngành nghề sử dụng được nhiều lao động. Khai thác tốt về tiềm năng (về tự nhiên, kinh tế, xã hội), các lợi thế của tỉnh. Phát triển làng nghề với tốc độ tăng trưởng nhanh, đồng thời bảo đảm tính phát triển bền vững, bảo vệ được môi trường sinh thái. Để thực hiện được định hướng đó cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, các cấp, các ngành cần tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy và Kế hoạch 373 của UBND theo đúng tinh thần Nghị quyết và sự phân công nhiệm vụ cũng như tiến độ của Kế hoạch để tạo cơ sở phát triển cho những năm tiếp theo.

Thứ hai, tổ chức khảo sát, nghiên cứu các làng nghề truyền thống, khẳng định cụ thể tính truyền thống của làng nghề, hệ thống kỹ thuật, sản phẩm, lao động, thu nhập... để xây dựng phát triển phù hợp cho làng nghề.

Thứ ba, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các nghề truyền thống. Mở các chương trình nghiên cứu khoa học, vừa phục vụ cho phát triển sản xuất, vừa gìn giữ phát huy tính truyền thống.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Thứ tư, tạo sự phối hợp giữa phát triển công nghiệp với phát triển các nghề thủ công ở các làng nghề. Công nghiệp chủ động giúp các nghề thủ công trong việc trang bị máy móc, kỹ thuật, cung cấp những vật liệu mới, kinh nghiệm tổ chức sản xuất và quản lý.... đồng thời tạo nên sự phối hợp trong sản xuất.

Thứ năm, triển khai thực hiện các chính sách đã có và có biện pháp cụ thể để phát triển các nghề thủ công, các làng nghề truyền thống. Đặc biệt coi trọng chính sách đối với đào tạo nghề trong các làng nghề truyền thống.

Thứ sáu, thị trường có ý nghĩa rất lớn đối với các nhà sản xuất kinh doanh, bởi đó là nơi tiêu thụ các sản phẩm của họ. Sản phẩm thủ công có thị trường ổn định tức là làng nghề đó tồn tại, thị trường càng lớn thì làng nghề càng phát triển mạnh và ngược lại. Để có thị trường cần chú trọng mấy điểm sau:

- Tăng cường khả năng tiếp thị.
- Giải quyết thỏa đáng vấn đề cung cầu.
- Tìm kiếm và mở rộng xuất khẩu.

Việc tìm kiếm và mở rộng thị trường là của bản thân những người sản xuất ra sản phẩm. Nhưng để duy trì và

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

phát triển được một ngành nghề thì cần phải thực hiện tốt công tác khuyến khích như: Quyết định thành lập, quản lý và sử dụng quỹ khuyến công; quy định tiêu chuẩn công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống; quy định tiêu chí công nhận nghề nhân.... Đây là động lực đáng kể để khuyến khích phát triển làng nghề.

Thứ bảy, một trong những trở ngại lớn nhất cho việc củng cố và phát triển làng nghề là thiếu vốn. Do thiếu vốn nên sản xuất chỉ dừng lại ở trình độ sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, công nghệ quá lạc hậu. Do đó, để có thể củng cố và phát triển làng nghề cần có biện pháp tạo vốn, đặc biệt sự hỗ trợ của Nhà nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

Số 956/2004/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ NAM
V/v thành lập Trung tâm Khuyến công tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2003/TTLB-BCN-BNV ngày 29/10/2003 của Bộ Công nghiệp - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý Nhà nước về công nghiệp ở địa phương;

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp và Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Trung tâm Khuyến công tỉnh Hà Nam.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM



Trung tâm Khuyến công là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Công nghiệp. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có tài khoản và được sử dụng con dấu riêng.

Địa điểm làm việc của Trung tâm trước mắt đặt tại trụ sở làm việc của Sở Công nghiệp tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Trung tâm Khuyến công tỉnh Hà Nam có nhiệm vụ:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham mưu hướng dẫn và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

- Tham mưu giúp Sở Công nghiệp và Ban chỉ đạo khuyến công của tỉnh, xây dựng kế hoạch sử dụng Quỹ khuyến công của tỉnh, danh mục các ngành, nghề công nghiệp và mức hỗ trợ từ Quỹ khuyến công của tỉnh cho các đối tượng thuộc mọi thành phần kinh tế trong các ngành công nghiệp của địa phương.

- Phổ biến kinh nghiệm sản xuất, tiến bộ khoa học công nghệ, trình diễn các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có hiệu quả, truyền nghề phát triển công nghệ và làng nghề trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Hướng dẫn giúp đỡ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp dự án đầu tư phát triển công nghiệp, thủ tục vay vốn và xin ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương.

- Tổ chức tập huấn công tác quản lý sản xuất, kinh tế kỹ thuật, chế độ chính sách, tham quan học tập các mô hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề cho các tổ chức và cá nhân.

- Tổ chức hỗ trợ các đơn vị quảng bá sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

- Theo dõi, đề xuất khen thưởng, kỷ luật, xử lý các vi phạm trong việc thực hiện các hình thức khuyến công và thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán kinh phí, quản lý tài sản được giao theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Khuyến công tỉnh Hà Nam do Giám đốc phụ trách, Phó giám đốc giúp việc và một số cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ. Biên chế của Trung tâm, từ 4 đến 5 người thuộc diện biên chế sự nghiệp.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Lưu VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
CHỦ TỊCH

Đình Văn Cường
(Đã ký)

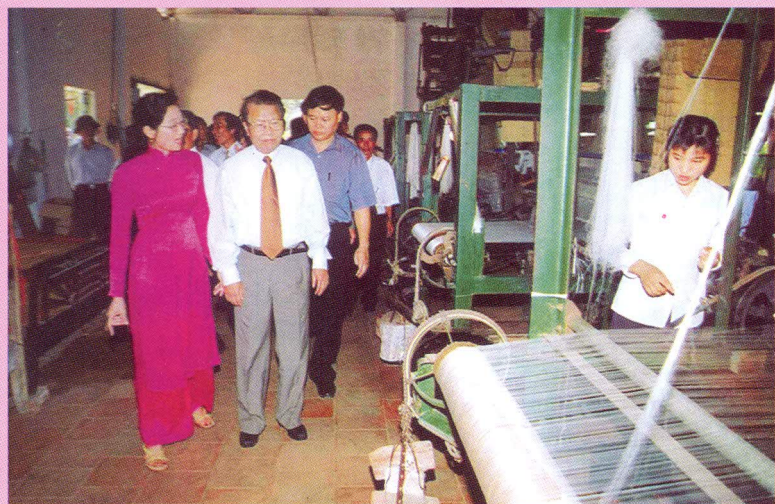
**LÀNG NGHỀ
TRUYỀN THỐNG
TIÊU BIỂU
CỦA TỈNH HÀ NAM**



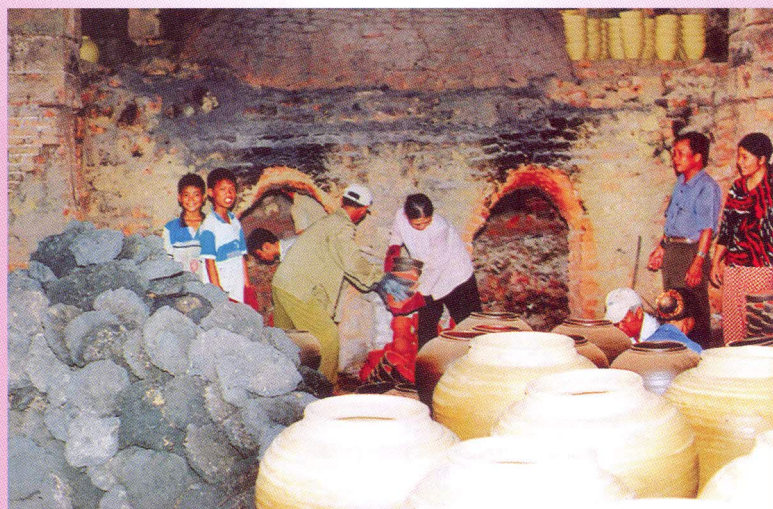
Làng nghề truyền thống trống Đọi Tam



Làng nghề Mây giang đan Ngọc Động - Hoàng Đông - Duy Tiên:
Thợ đang đan khay và lõi bộ 3



Làng nghề dệt lụa Nha Xá - Mộc Nam - Duy Tiên:
Chủ tịch **Trần Đức Lương** thăm quan một cơ sở dệt lụa



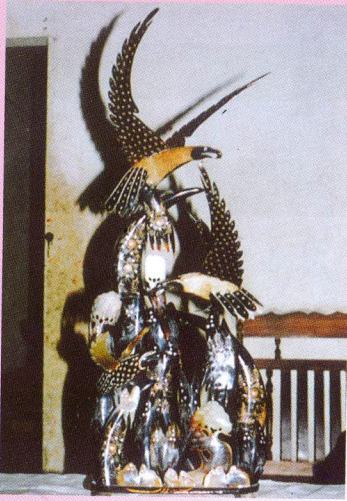
Làng nghề gốm Quyết Thành - TT Quế - Kim Bảng:
Đưa sản phẩm gốm ra lò



Làng nghề Nhật Tân - xã Nhật Tân - Kim Bảng:
Xưởng chạm khắc gỗ



Làng nghề thêu Hòa Ngãi - Thanh Hà - Thanh Liêm:
Phân xưởng may Ôlê thêu xuất khẩu



Làng nghề mỹ nghệ Đô Hai - An Lão - Bình Lục



Làng nghề thêu ren An Hòa



Làng nghề dệt vải Đại Hoàng - Hòa Hậu - Lý Nhân:
Dệt vải trắng



Làng nghề dũa Đại Phú - An Đổ - Bình Lục:
Kiểm tra chất lượng sản phẩm

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRỒNG ĐỘI TAM

Địa chỉ: Thôn Đội Tam, xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	2.000	2.120
Giá trị sản xuất (tr.đ):	3.500	3.600
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):	20.000	23.000
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	500	520
Số lao động (người):	850	900
Thu nhập bình quân(đ/ng/t):	450.000	500.000

Thôn Đội Tam được hình thành vào những năm 40 Sau Công Nguyên. Đến cuối thế kỷ thứ 9, đầu TK thứ 10 nghề trồng bắt đầu được hình thành, cụ tổ nghề tên là Nguyễn Văn Năng, quê ở Thanh Hóa đã đưa nghề trồng về dạy cho nhân dân Đội Tam. Năm 1.010 làng nghề đã búng chiếc trống lớn gọi là “**Trống sấm**” để làm lễ đón chào đoàn

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

thuyền của vua Lý Công Uẩn rời đô ra Thăng Long, đi qua sông Châu Giang.

Kể từ đó đến nay, qua hàng trăm năm, có những lúc thăng trầm, nhưng với truyền thống cha truyền con nối, các nghệ nhân, thợ giỏi của làng đã nghiên cứu cải tiến mẫu mã và cho ra đời nhiều loại trống khác nhau để phục vụ các lễ hội, du lịch, phục vụ khắp mọi miền của Tổ quốc.

Do vậy, nghề trống đã tồn tại, đứng vững và phát triển. Dân trống với 200 quả trống lớn nhỏ, trong đó có quả to nhất cả nước với đường kính 2,05m, cao 2,75m phục vụ lễ hội Thăng Long, Seagames 22 tại Việt Nam, các lễ hội khác ..., hướng tới 1.000 quả trống chào mừng kỉ niệm một nghìn năm Thăng Long – Hà Nội.

Hiện nay, thôn Đọi Tam có 580 hộ và 2.215 khẩu; tham gia làm nghề trống có 500 hộ và 900 lao động chiếm 68,5% lao động của làng. Năm 2003 đã đầu tư 2.120 triệu đồng vào sản xuất kinh doanh trống, mỗi năm cho ra hơn 20.000 trống các loại, đạt giá trị sản xuất năm 2003 là 3.600 triệu đồng bằng 75% giá trị sản xuất của làng. Cũng từ nghề sản xuất trống mà thu nhập của người dân trong làng ngày càng tăng: Năm 2002 là 400.000 đồng/ người/ tháng; năm 2003 là 450.000 đồng/người / tháng; nhiều người có thu nhập cao từ 25 triệu đồng đến 35 triệu đồng/người/năm.

Cùng với các kết quả trên, các nghệ nhân, thợ giỏi

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

làng nghề Đọi Tam đã và đang cải tiến công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, tạo ra nhiều sản phẩm trống đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, đồng thời chú trọng giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng sạch đẹp, phù hợp với làng nghề truyền thống, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Là làng nghề có truyền thống cách mạng trong kháng chiến cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng Tổ quốc; luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định của địa phương, người dân trong làng luôn đoàn kết gắn bó xây dựng quê hương: Làng đã thực hiện hương ước nếp sống văn hóa: Qua bình xét từ cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2003 có 70% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Năm 2004, làng nghề trống Đọi Tam xứng đáng được UBND tỉnh Hà Nam cấp bằng công nhận làng nghề truyền thống và 2 nghệ nhân, 4 thợ giỏi được công nhận vì đã có công lao đóng góp cho sự phát triển làng nghề.

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG MÂY GIANG ĐAN NGỌC ĐỘNG

Địa chỉ: Thôn Ngọc Động, xã Hoàng Đông,
huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	9.500	12.000
Giá trị sản xuất (tr.đ):	11.000	13.000
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):	1.100.000	1.300.000
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	445	470
Số lao động (người):	930	970
Thu nhập bình quân(đ/ng/t):	420.000	450.000

Làng nghề mây giang đan Ngọc Động đã tồn tại được trên 50 năm. Người dân trong làng sử dụng các nguyên liệu từ mây, giang, song và sản xuất ra các sản phẩm mây xiên gồm hàng ngàn loại sản phẩm như: Bát, đĩa, vali, thùng tròn, thùng bầu dục bộ ba, khay vuông, khay chữ nhật có cửa, âu trau, lọ hoa, lọ lục bình,... phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

nước và đặc biệt do lợi ích sử dụng bền chắc, đẹp..., và không ảnh hưởng môi trường nên được khách nước ngoài rất ưa chuộng .

Sau hòa bình lập lại, ngành ngoại thương phát triển đã tạo điều kiện cho làng nghề phát triển (cụ thể năm 1955, hợp tác xã mây tre Ngọc Động được thành lập và ký được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu sang các nước Đông Âu thông qua công ty xuất nhập khẩu, nên tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã). Đến nay hàng mây giang đan Ngọc Động xuất khẩu sang nhiều nơi trên thế giới như: Nhật, Mỹ, Hồng Kông, Đài Loan, Pháp, Canada, Nga, Balan.... Doanh thu từ xuất khẩu năm 2003 đạt 13 tỷ đồng, chiếm 86,6% tổng doanh thu của làng.

Hiện nay, làng nghề có 470 hộ làm nghề mây giang đan chiếm 90% số hộ của làng và 970 lao động làm mây giang đan chiếm 90% tổng số lao động của làng với thu nhập bình quân năm 2003 là 450.000 đồng/ người/ tháng; có nhiều người có thu nhập 10 triệu đồng/năm. Do vậy, cuộc sống của người dân làng nghề ngày càng ấm no hạnh phúc.

Làng nghề có nhiều nghệ nhân, thợ giỏi nhất tỉnh. Nhiều thợ giỏi được cử đi đào tạo, truyền nghề khắp các địa phương trong tỉnh và các tỉnh bạn nên nghề mây giang đan phát triển rộng khắp. Được sự quan tâm hỗ trợ của UBND các cấp nên đã tổ chức nhiều lớp truyền nghề, nhân cấy nghề; nhiều xã trong tỉnh có nghề mây giang đan và từ đó

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

đã tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động lúc nông nhàn, tăng thu nhập cho nhân dân trong tỉnh (tính đến năm 2004 công tác truyền nghề, nhân cấy nghề trong xã đạt 3.500 lao động, trong huyện đạt 12.500 lao động, ngoài tỉnh đạt 15.000 lao động).

Do nắm bắt được nhu cầu tiêu thụ hàng mây giang đan ngày càng tăng, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, các doanh nghiệp trong làng nghề đã mạnh dạn bỏ ra hàng trăm triệu đồng đầu tư nhà xưởng, thiết bị, cải tiến công nghệ: nhuộm, sơn, hấp, sấy màu... nhằm đa dạng hóa mẫu mã, tăng nhanh số lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, chủ động sản xuất, cải thiện môi trường.

Là làng nghề có truyền thống đấu tranh cách mạng trong kháng chiến cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng tổ quốc: Luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định của địa phương. Người dân trong làng luôn đoàn kết gắn bó xây dựng quê hương: Làng đã đạt tiêu chuẩn làng văn hóa, đã được UBND tỉnh hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, cải thiện môi trường.

Năm 2004, làng nghề xứng đáng được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống mây giang đan Ngọc Động và có 3 nghệ nhân, 10 thợ giỏi được công nhận vì đã có công lao đóng góp cho sự phát triển làng nghề.

LÀNG NGHỀ DỆT LỤA TRUYỀN THỐNG NHA XÁ

Địa chỉ: Thôn Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện
Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	4.400	6.000
Giá trị sản xuất (tr.đ):	5.450	6.000
Số lượng sản phẩm chủ yếu(m):	450.000	451.500
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	202	206
Số lao động (người):	327	332
Thu nhập bình quân(đ/ng/t):	350.000	400.000

Ngành nghề: chuyên dệt, tẩy, nhuộm lụa, dũi các loại từ nguyên liệu sợi vải, lanh, tơ tằm, tơ hóa học...

Vào thế kỷ thứ 13 đời nhà Trần có cụ Trần Khánh Dư mãi quan về sống ở đây. Người dạy cho dân làng chần tằm, tơ tằm, dệt lụa nên nhân dân tôn thờ ngài là Thành Hoàng làng.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Lúc đầu nghề dệt tự cung tự cấp, sau phát triển thành hàng hóa mang đi bán các nơi.

Sau hòa bình lập lại, buôn bán phát triển, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về mặt hàng tơ lụa, nhiều hộ đầu tư máy dệt thủ công và sản xuất ra ngày càng nhiều hàng hóa. Để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và tiêu thụ, làng thành lập tổ đổi công và cùng với sự phát triển của thị trường đến năm 1959 thành lập hợp tác xã thủ công nông nghiệp và 1967 thôi làm ruộng, chuyển sang ăn gạo Nhà nước 100% để chuyên dệt gia công cho Công ty Vải sợi Hà Nam, đến năm 1982 dệt gia công cho Công ty Dâu tằm tơ I.

Hàng lụa Nha Xá tiêu thụ với số lượng ngày càng nhiều và thị trường tiêu thụ rộng khắp trong cả nước thì uy tín về làng nghề ngày một tăng. Hàng lụa tơ tằm của làng nghề đã được thưởng Huy chương Vàng và Bạc tại Hội chợ triển lãm Giảng Võ năm 1983 và 1984 và làng đã được Nhà nước thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Những năm 1990 đến nay cơ chế thị trường mở cửa, càng tạo điều kiện cho các hộ gia đình đầu tư sản xuất kinh doanh, mỗi gia đình trong làng nghề đều có từ 1 đến 2 máy dệt trở lên, nhiều hộ gia đình đã sử dụng máy dệt lụa hoa; một vài cơ sở đã đầu tư hàng chục máy dệt. Năm 2003 làng nghề sản xuất được gần 500.000 mét vải các loại, đạt 6 tỷ đồng chiếm 85% giá trị sản xuất của làng.

Do sản xuất phát triển, đời sống người dân làng nghề ngày một no đủ, người dân trong làng tích cực đầu tư máy móc thiết bị sản xuất : Cho đến năm 2003 làng nghề đã đầu

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

từ 6.000 triệu đồng cho sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển sản xuất: làng nghề đã và đang cải tiến công nghệ và tiếp thu những công nghệ kỹ thuật mới để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và đặc biệt là tạo ra nhiều mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng. Hàng loạt những cải tiến kỹ thuật công nghệ được thực hiện tại làng nghề: Dùng máy tẩy chuỗi nhuộm thay tẩy chuỗi thủ công; đưa máy dệt lụa hoa chuyển sang dệt chữ trên mặt hàng, hoặc trên biên; thay suốt tay ngang sang suốt môtơ, suốt tự động; thực hiện dệt hàng lụa hoa và dùng máy kiểm để dệt ra khổ vải rộng; tự sản xuất ra máy dệt lụa...

Về lao động: Năm 2003 tổng số hộ làm nghề dệt là 206 hộ chiếm 88% số hộ trong làng và có 332 lao động làm nghề dệt chiếm 99% lao động trong làng.

Về thu nhập: Năm 2002 thu nhập bình quân của người dân làm nghề là 350.000 đồng/ người/ tháng, năm 2003 là 400.000 đồng/người/tháng, có một số lao động có thu nhập tương đối cao là 2.000.000 đồng đến 2.500.000 tháng/người; có 75% số lao động có thu nhập ổn định và đạt giá trị sản xuất 85% so với tổng giá trị sản xuất của làng.

Là làng nghề có truyền thống đấu tranh cách mạng trong kháng chiến cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng Tổ quốc: Luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định của địa phương. Người dân trong làng luôn đoàn kết gắn bó xây dựng quê hương. Năm 2003 có 184 /234 hộ đạt gia đình văn hóa và từ năm 2000 đến nay làng vẫn giữ vững làng văn hóa

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

cấp tỉnh: đã được UBND tỉnh hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề và hỗ trợ lãi xuất sau đầu tư cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, cải thiện môi trường.

Năm 2004, làng nghề xứng đáng được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống dệt lụa Nha Xá vì những kết quả đạt được của làng nghề và có 03 thợ giỏi được công nhận vì đã có công lao đóng góp cho phát triển làng nghề.

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG GỐM QUYẾT THÀNH

Địa chỉ: Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	1.350	1.500
Giá trị sản xuất (tr.đ):	1.500	1.600
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):	59.000	66.000
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	119	120
Số lao động (người):	145	150
Thu nhập bình quân(đ/ng/t):	420.000	450.000

Làng nghề truyền thống gốm Quyết Thành có cách đây hơn 400 năm, được những người thợ từ Thanh Hóa đưa nghề về. Qua thời gian dài tồn tại, thăng trầm, làng nghề phát triển được như ngày nay.

Các sản phẩm gốm của làng nghề hiện nay gồm: Gốm sành, gốm đỏ, gốm son với hàng trăm sản phẩm khác nhau.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

đa dạng, gần gũi và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Từ những vật dụng bằng sành rất bình thường người dân sử dụng hàng ngày đến những sản phẩm chất lượng cao được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đến các nơi: Nhật, Mỹ, Đài Loan, Hồng Kông.... được sử dụng nguồn nguyên liệu đất sét của địa phương và do những người thợ của làng nghề làm ra.

Hiện nay sản xuất kinh doanh của làng nghề rất thuận lợi. Năm 2002 làng nghề sản xuất được 59.000 sản phẩm các loại, đạt giá trị sản xuất 1.500 triệu đồng và năm 2003 sản xuất được 66.000 sản phẩm các loại, đạt 1.600 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 90% so với tổng giá trị sản xuất của làng.

Về lao động: Tổng số hộ tham gia sản xuất kinh doanh gồm hiện nay là 120 hộ chiếm 82% tổng số hộ của làng và có 150 lao động tham gia chiếm 83% số lao động của làng. Có 70% lao động thu nhập ổn định với 450.000 đồng/ người/ tháng; có lao động có thu nhập cao với 3.200.000 đồng / người / tháng.

Làng nghề đang tích cực đầu tư mở rộng sản xuất, sửa chữa cải tạo nhà xưởng, đổi mới thiết bị, cải tiến quy trình công nghệ, tạo ra nhiều mẫu mã sản phẩm, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và tăng cường đẩy mạnh xuất khẩu để tăng thu nhập cho người lao động và đóng góp cho địa phương.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Công tác xúc tiến thương mại cũng được chú trọng nhằm giới thiệu sản phẩm, quảng cáo hàng hóa: Chỉ tính từ năm 2003 đến năm 2004, được sự giúp đỡ của UBND tỉnh đã tham gia 3 Hội chợ đạt được nhiều kết quả tốt (Trong Hội chợ Festival Huế 2004 có 2 sản phẩm của làng nghề đạt giải Sản phẩm Tinh hoa).

Công tác đào tạo truyền nghề được làng nghề quan tâm: Các cháu trong làng nghề được đào tạo và được nhận trực tiếp vào làm việc trong các cơ sở làng nghề. Các nghệ nhân, thợ giỏi cũng luôn tạo điều kiện cho phát triển tài năng như: Công tác đào tạo nghề, sáng tạo mẫu mã. Những nghệ nhân, thợ giỏi của làng nghề đã làm ra hàng trăm mẫu sản phẩm có giá trị cao.

Làng nghề luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định của địa phương. Người dân trong làng luôn đoàn kết gắn bó xây dựng quê hương. Năm 2000 làng được công nhận làng văn hóa cấp tỉnh và hiện nay vẫn giữ vững làng văn hóa cấp tỉnh.

Năm 2004, làng nghề xứng đáng được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống gồm Quyết Thành và 04 thợ giỏi được công nhận vì đã có công lao đóng góp cho phát triển làng nghề.

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG NHẬT TÂN

Địa chỉ: Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	4.195	4.245
Giá trị sản xuất (tr.đ):	29.100	30.555
Số lượng sản phẩm chủ yếu:		
-Nghề dệt (mét vải):	1.924.000	2.147.000
-Mây giang đan(sản phẩm):	850.000	959.100
-Nghề mộc(sản phẩm):	6.319	6.508
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	2.382	2.453
Số lao động (người):	3.487	3.508
Thu nhập bình quân(đ/ng/t):	500.000	530.000

Ngành nghề đang sản xuất kinh doanh: dệt vải, mộc dân dụng, mộc cao cấp, mây giang đan.

Làng nghề Nhật Tân là làng đa nghề, tồn tại cách

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

đây gần 500 năm. Lúc đầu chỉ có nghề dệt, mộc; còn nghề mây giang đan có cách đây 14 năm. Là làng nghề lớn chiếm chọn cả xã Nhật Tân nên tên làng nghề được đặt cho tên xã.

Là nơi có đầu mối giao thông quan trọng từ đường quốc lộ 1A đi vào huyện Kim Bảng đã giúp cho việc giao lưu buôn bán thuận lợi. Mặt khác đất đai nông nghiệp của làng rất ít (321,4 ha; bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người ở đây là 353 mét vuông) mà dân lại rất đông (10.538 khẩu), số người trong độ tuổi lao động rất lớn: 4.921 người. Do vậy, thời gian nông nhàn được đầu tư vào phát triển ngành nghề TTCN. Hiện nay lao động của 3 nghề chính là dệt, mộc, mây giang đan có 3.508 lao động (chưa kể lao động phụ); ngoài ra làng còn có một số nghề khác như: Gò, hàn, đúc xoong, thêu ren... và dịch vụ rất phát triển.

Các sản phẩm của làng nghề làm ra gồm có:

* Vải các loại cung cấp cho Quốc phòng qua Công ty dệt Hà Nam; vải lót cho nhà máy giầy Thượng Đình, vải nhuộm cho các dân tộc Tây Bắc và phục vụ nhu cầu tại địa phương. Năm 2003 dệt được 2,147 triệu mét vải các loại.

* Đồ gỗ dân dụng: Trạm khắc gỗ, xalông cao cấp, tủ tường, khảm trai các loại, mộc gia dụng trong xây dựng, trong gia đình phục vụ cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh. Năm 2003 làm được 6.508 sản phẩm các loại.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

* Mặt hàng mây giang đan: làm gia công cho các doanh nghiệp của làng nghề Ngọc Động để xuất khẩu. Năm 2003 làm được 959.100 sản phẩm các loại.

Giá trị sản xuất của làng nghề đạt giá trị cao. Chỉ tính riêng năm 2003 đạt 30.555 triệu đồng chiếm tỷ trọng 80% so với tổng số giá trị sản xuất của làng.

Sản xuất của làng nghề phát triển, thu nhập của người lao động ngành nghề được cải thiện: Năm 2002 thu nhập bình quân của lao động ngành nghề đạt 500.000 đồng /người/tháng; năm 2003 đạt 530.000 đồng /người/tháng. Nhiều lao động có tay nghề cao đạt thu nhập từ 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng.

Làng nghề rất chú trọng đầu tư mở rộng sản xuất, cải tiến công nghệ, xúc tiến thương mại: Được sự hỗ trợ của UBND tỉnh cho phép xây dựng Cụm TTCN – làng nghề với tổng diện tích quy hoạch 17,5 ha, kinh phí xây dựng trên 8 tỷ đồng. Hiện nay một số hộ đã đăng ký và nộp kinh phí lấp đầy giai đoạn I là 34.000 mét vuông; giai đoạn 2 cũng đã đăng ký đủ. Các cơ sở làng nghề mạnh dạn đầu tư thiết bị: máy dệt, máy đánh ống, máy kéo sợi, máy xẻ, khoan,... để nâng cao năng xuất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Các sản phẩm của làng nghề đã tham gia các hội chợ triển lãm tại tỉnh và Hà Nội. Một số mặt hàng đồ gỗ, sơn mài đã và đang xuất khẩu sang Đài Loan và các nước Tây Âu.

Cùng với sự phát triển của nghề, làng nghề cũng như

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

các cơ sở làng nghề luôn chấp hành nghiêm chỉnh sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương. Các chỉ tiêu Nhà nước giao đều hoàn thành, không có các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm, an ninh nông thôn luôn được giữ vững.

Để ngành nghề luôn được giữ vững và ngày càng phát triển, làng nghề đang triển khai các biện pháp nhằm giữ vững và từng bước ổn định các ngành nghề hiện có, tiếp tục phát triển nghề dệt trên cơ sở đa dạng hoá sản phẩm và mở rộng thị trường. Mở rộng nghề mộc theo hướng giảm chi phí đầu vào, tiết kiệm nguyên liệu để đạt hiệu quả kinh tế cao. Phát triển mạnh nghề mây giang đan do tận dụng nhiều lao động nông nhân, lao động phụ vì có lợi thế gần trung tâm làng nghề mây giang đan Ngọc Động. Nghề sơn mài là nghề mới nhưng hiệu quả lại rất cao nên được ưu tiên phát triển.

Năm 2004 làng nghề xứng đáng được UBND tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề truyền thống Nhật Tân vì những thành tích đạt được của làng nghề.

LÀNG NGHỀ THÊU TRUYỀN THỐNG HÀ NGÃI

Địa chỉ : Thôn Hoà Ngãi, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	5.000	5.700
Giá trị sản xuất (tr.đ):	5.100	6.500
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):		
-Khăn trải bàn:	15.000	18.000
-Khăn trải giường:	12.000	16.000
-Khay các loại:	115.000	130.000
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	456	495
Số lao động (người):	950	1.070
Thu nhập bình quân(d/ng/t):	400.000	450.000

Nghề thêu ở Hoà Ngãi đã có cách đây hơn 100 năm, tồn tại và phát triển cho tới ngày nay. Ban đầu có một số người học được nghề rồi truyền cho con cháu trong gia

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

đình, họ mạc, sau đó phát triển lan rộng ra cả làng.

Thôn Hoà Ngãi có số nhân khẩu cao nhất xã (2.300 khẩu, 535 hộ), đất canh tác ít (432mét vuông/ khẩu), để đảm bảo đời sống người dân dựa vào nghề thêu, bởi vì nghề thêu có nhiều ưu điểm:

+ Tận dụng mọi nguồn lực từ trẻ em đến người cao tuổi đều có thể làm được.

+ Tận dụng điều kiện thời gian nông nhàn, thời tiết không ảnh hưởng đến nghề thêu.

+ Chi phí đào tạo nghề thấp do nghề dễ học và là nghề của ông, cha truyền lại.

+ Dụng cụ đơn giản, không phải chi phí cho nhà xưởng vì các lao động làm việc tại gia đình.

Sau hoà bình lập lại, đặc biệt từ những năm 70, 80 của thế kỷ trước, nghề thêu phát triển mạnh. Người dân trong làng làm gia công cho các công ty ở Hà Nội xuất khẩu đi các nước Đông Âu và Liên Xô cũ. Ngày nay, kinh tế thị trường phát triển nghề thêu càng có điều kiện phát triển vững chắc, hàng thêu đã xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới.

Giá trị sản xuất của làng nghề chiếm tỷ trọng lớn và tăng nhanh, năm 2002 là 5.100 triệu đồng năm 2003 là 6.500 triệu đồng chiếm tỷ trọng 68,5% so với tổng giá trị sản xuất của làng

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Số lao động và số hộ tham gia nghề thêu trong làng không ngừng tăng lên: năm 2002 có 456 hộ và 950 lao động làm nghề thì năm 2003 có 495 hộ và 1070 lao động làm nghề chiếm 88% tổng số hộ và 89% tổng số lao động trong làng.

Thu nhập từ nghề thêu trở thành thu nhập chính trong mỗi gia đình, chiếm từ 65% đến 70% thu nhập của làng. Năm 2003 thu nhập bình quân từ nghề thêu là 450.000 đồng/ người/tháng. Nhiều người có thu nhập cao từ 800.000 đồng đến 900.000 đồng/ tháng. Vì vậy, đời sống kinh tế, tinh thần của người dân ổn định và nâng cao nhờ có nghề thêu(có 40 số hộ trong làng có nhà mái bằng kiên cố và 100% hộ thực hiện tốt vệ sinh môi trường). Cơ sở hạ tầng làng nghề được cải thiện: đường giao thông nông thôn được bê tông hoá, các công trình khác được hoàn thiện tất cả đều do dân đóng góp, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

Do nghề thêu ren phát triển và thu nhập cao nên làng nghề đã mạnh dạn đầu tư tiền của vào để phát triển, năm 2002 đầu tư 5.000 triệu đồng, năm 2003 đầu tư 5.700 triệu đồng. Nhiều doanh nghiệp trong làng nghề đã đầu tư mở rộng sản xuất: chỉ tính 2 năm gần đây(2002-2003) có 6 doanh nghiệp, công ty, 10 tổ hợp và hơn 30 cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư vốn và mở rộng hơn 1.000 mét vuông nhà xưởng, thành lập thêm 3 xưởng giặt là...

Về công tác truyền nghề: được làng nghề chú trọng,

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

không những truyền nghề cho người dân trong làng mà nghề thêu còn được những nghệ nhân, thợ giỏi trong làng truyền nghề ra khắp các địa phương trong tỉnh, do vậy có tác động rất lớn trong giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho hàng vạn lao động cho nhân dân trong tỉnh.

Ngoài thành tích kể trên, nhân dân trong làng chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những quy định của địa phương. Phong trào đoàn thể luôn luôn được vững mạnh. Năm 2003 làng nghề vinh dự được UBND tỉnh cấp bằng công nhận danh hiệu “làng văn hoá” và có 95% hộ TTCN đạt gia đình văn hoá. Năm 2004 làng nghề Hoà Ngãi xứng đáng được UBND tỉnh cấp bằng làng nghề thêu truyền thống Hoà Ngãi và công nhận 1 nghệ nhân, 2 thợ giỏi vì có công lao đóng góp cho làng nghề.

Phát huy truyền thống đạt được, làng nghề Hoà Ngãi phấn đấu đầu tư nhiều vốn hơn nữa cho sản xuất kinh doanh và đạt doanh thu tăng nhanh trong những năm tới, tạo thêm nhiều việc làm cho nhân dân trong làng và quanh vùng, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo trong nhân dân.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

LÀNG NGHỀ THÊU REN TRUYỀN THỐNG AN HOÀ

Địa chỉ: Thôn An Hoà, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	11.600	14.300
Giá trị sản xuất (tr.đ):	37.500	41.000
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):		
-Khăn trải bàn các loại(nghìn)	850.000	1.210.000
-Ga gối đệm các loại (nghìn)	700.000	790.000
-Khay túi các loại (nghìn)	1.200.000	1.300.000
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	495	506
Số lao động (người):	1.480	1.510
Thu nhập bình quân(đ/ng/t):	300.000	350.000

Nghề thêu ren truyền thống An Hoà có cách đây hơn một thế kỷ(1893). do cụ Nguyễn Đình Thân là người trong thôn đi học hỏi và đưa nghề từ tỉnh Hà Tây về dạy

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

cho con cháu trong làng. Cứ thế số lao động làm nghề thêu trong làng tăng dần. Đến năm 1945-1950 số thợ thêu trong làng đã tăng lên 50 đến 60 thợ. Một số thợ thêu đi ra Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố phía bắc làm thuê cho nhà giàu, thêu tranh, gối, đệm, áo và số sản phẩm này đã bán được cho khách Nhật, Pháp và một số nhà giàu sử dụng.

Từ năm 1960 đến 1992 hàng thêu của làng làm ra đã xuất khẩu sang Pháp, Ý, Ba Lan, Liên Xô cũ với số lượng ngày một lớn càng tạo điều kiện cho làng nghề phát triển. Từ năm 1993 đến nay, do thị trường trong và ngoài nước phát triển, nhiều khách hàng trong và ngoài nước về làng nghề ký hợp đồng mua hàng càng tạo cho làng nghề phát triển nhanh. Nhiều hợp đồng lớn người dân trong làng làm không hết, được phân phát cho các công ty, tổ hợp trong tỉnh, ngoài tỉnh làm gia công cho làng nghề. Do đó làng nghề có nhiều việc làm và thu nhập ổn định nên đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày cao. Tính đến nay làng An Hoà có 56% số hộ có nhà kiên cố; công trình công cộng và phúc lợi xã hội ngày càng được coi trọng...

Về sản xuất: chỉ tính trong năm 2003 làng nghề đã làm ra được 1.210.000.000 khăn chải bàn các loại, 700.000.000 ga gối các loại, 1.200.000.000 khay và túi thêu, với giá trị sản xuất năm 2002 là 37.500 triệu đồng, năm 2003 là 41.000 triệu đồng.

Về lao động làm nghề thêu ngày một tăng nhanh:

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

năm 2002 có 1.480 lao động làm nghề thêu chiếm 95% số lao động trong làng và có 495 hộ chiếm 96% tổng số hộ trong làng làm nghề thêu. Năm 2003 có 506 hộ và 1.510 lao động chiếm 96% số lao động trong làng làm nghề thêu. Về thu nhập bình quân cũng tăng lên nhanh chóng: năm 2002 là 300.000 đồng /người/ tháng, năm 2003 là 350.000 đồng / người/ tháng. Có nhiều lao động có thu nhập cao từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng/ tháng.

Làng nghề còn cử nhiều thợ có tay nghề cao làm công tác truyền nghề tới nhiều nơi trong và ngoài tỉnh như ở các huyện Kim Bảng, Bình Lục, Thanh Liêm, Duy Tiên, Lý Nhân, Ý Yên, Vụ Bản, thị xã Phủ Lý..., đã đào tạo được nhiều lao động giúp cho nông dân ở những nơi này xóa đói giảm nghèo.

Cùng với những kết quả đạt được, làng nghề luôn chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương. Các phong trào trong thôn xóm luôn được làng coi trọng và thường dẫn đầu toàn xã. Làng đã được UBND tỉnh công nhận làng văn hoá

Năm 2004 làng nghề thêu ren An Hoà xứng đáng được UBND tỉnh Hà Nam cấp bằng công nhận làng nghề thêu ren truyền thống An Hoà vì những thành tích đạt được của làng nghề và có 2 nghệ nhân, 3 thợ giỏi được công nhận do những công lao đóng góp cho làng nghề.

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG SÙNG MỸ NGHỆ ĐÔ HAI

Địa chỉ: Thôn Đô Hai, xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	3.200	3.500
Giá trị sản xuất (tr.đ):	3.200	3.800
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):	12.700	15.500
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	180	190
Số lao động (người):	540	565
Thu nhập bình quân(d/ng/t):	540.000	550.000

Nói đến làng Đô Hai xã An Lão là nói đến một làng nghề sùng mỹ nghệ truyền thống đã trải qua hàng trăm năm được cụ Nguyễn Văn Tấn đưa nghề về và truyền dạy cho con cháu trong làng, cụ đã được nhân dân suy tôn là Ông tổ làng nghề. Qua nhiều thế hệ, nghề sùng mỹ nghệ cứ thế tồn tại, phát triển và dần dần đã trở thành làng nghề.

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Nghề sùng mỹ nghệ sử dụng nguyên liệu bằng sừng trâu, bò và được các nghệ nhân, thợ giỏi nghiên cứu làm ra hàng trăm sản phẩm khác nhau phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trong và ngoài nước: đôi ngựa, cặp tóc, gối đầu, các con vật, tượng, các tích cổ..., đều là những sản phẩm đẹp và rất có giá trị.

Sau hoà bình lập lại, từ năm 1955 đến 1957 những người thợ làng nghề đã tổ chức thành 3 tổ sản xuất với 100 lao động chính, 50 lao động phụ, sau đó thành lập HTX tiểu thủ công nghiệp Thanh Sơn và sản xuất ngày càng phát triển. Từ năm 1958 đến 1990 làng nghề đã làm gia công nhiều sản phẩm chất lượng cao cho các công ty mỹ nghệ với số lượng lớn; các sản phẩm được cải tiến, ngày càng đa dạng hoá về mẫu mã và chất lượng.

Sau năm 1990 các hộ sản xuất trong làng thành lập các tổ nhóm để sản xuất tự cung tự cấp nguyên vật liệu, tự tìm kiếm thị trường cho sản phẩm. Các công cụ sản xuất được đầu tư, cải tiến như máy cưa, khoan, máy đánh bóng, máy bào... được đưa vào sử dụng; những thợ kỹ thuật đã không ngừng học hỏi, cải tiến mẫu mã, hàng loạt sản phẩm mới đa dạng và phong phú được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng, ký hợp đồng tiêu thụ.

Qua số liệu cho thấy, làng nghề đã sản xuất ra và tiêu thụ được khối lượng sản phẩm lớn: chỉ tính năm 2003 đã sản xuất được 1.800 sản phẩm đại bàng, 1.200 sản phẩm bàn rồng và 12.500 sản phẩm con giống. Doanh

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

thu từ nghề sừng chiếm tỷ trọng lớn và tăng theo hàng năm: năm 2002 giá trị sản xuất của nghề sừng đạt 3.200 triệu đồng chiếm tỷ trọng 58% so với giá trị sản xuất của làng, năm 2003 đạt 3.800 triệu đồng chiếm tỷ trọng 64% so với giá trị sản xuất của làng. Làng nghề tích cực đầu tư cho sản xuất phát triển, năm 2002 đã đầu tư là 3.200 triệu đồng, năm 2003 đầu tư 3.500 triệu đồng.

Về hộ sản xuất và lao động ngày càng tăng, cho thấy nghề sừng đang ngày càng phát triển: năm 2002 làng nghề có 180 hộ và 540 lao động làm nghề sừng chiếm 72% số hộ và 72% số lao động của làng; năm 2003 có 190 hộ và 565 lao động làm nghề sừng chiếm 76% số hộ và 75,3% số lao động của làng.

Do sản xuất kinh doanh phát triển nên thu nhập của người dân làng nghề cũng không ngừng được cải thiện: Thu nhập bình quân hiện nay của lao động làm nghề năm 2002 là: 540.000 đồng /người/ tháng, năm 2003 là 550.000 đồng/ người/ tháng. Có người có thu nhập cao 700.000 đến 800.000 đồng/ tháng.

Để phát triển làng nghề ngày càng ổn định vững chắc, phương hướng những năm tiếp theo, làng nghề sẽ đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư thiết bị sản xuất đến từng hộ gia đình, tăng cường công tác truyền nghề nhằm nâng cao tay nghề cho các lao động mới, cải tiến mẫu mã sản phẩm, tăng cường xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm, tiêu thụ hàng hoá, ưu tiên sản xuất hàng

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

hoá xuất khẩu: xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường làng nghề.

Cùng với kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực xã hội cũng luôn được quan tâm. Làng nghề luôn chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương. Năm 2002 làng nghề đã được công nhận làng văn hoá, đã được UBND tỉnh hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề. Năm 2004 làng được UBND tỉnh Hà Nam cấp bằng công nhận làng nghề sùng truyền thống Đô Hai và công nhận 2 nghệ nhân, 4 thợ giỏi nghề sùng vì có công lao đóng góp cho sự phát triển làng nghề.

LÀNG NGHỀ DỆT TRUYỀN THỐNG ĐẠI HOÀNG

Địa chỉ: Xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Ngành nghề: dệt vải các loại, tải đay, manh đay.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	89.000	90.000
Giá trị sản xuất (tr.đ):	126.000	129.000
Số lượng sản phẩm chủ yếu:		
-Vải các loại (mét):	20.300.000	21.700.000
-Khăn mặt các loại(chiếc):	4.1000.000	4.100.000
-Bao tải đay(chiếc):	700.000	700.000
-Manh đay(tấn):	350	300
-Xe sợi đay(tấn):	170	30
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	1.410	1.510
Số lao động (người):	3.100	3.250
Thu nhập bình quân(đ/ng/th):	540.000	580.000

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

Nghề dệt truyền thống Đại Hoàng, xã Hoà Hậu đã tồn tại từ lâu, trước cách mạng tháng 8/1945 nhân dân đã đưa nghề dệt về làng, sử dụng bằng công cụ khung dệt mở quạ (chân dận, tay đưa, tay dệt). Lúc đó dệt đũi, vải khổ hẹp. Những năm 1960 đến 1978 làng Đại Hoàng lúc đó mới có 600 hộ dệt vải, sau đó thành lập HTX dệt Hoàng Tân với 1.200 hộ, 2.000 lao động và 4.000 nhân khẩu. Thời kỳ này chủ yếu dệt gia công cho Nhà Nước và đã đạt sản lượng tới 20 triệu mét vải.

Đến năm 1978 các máy dệt thủ công được cải tiến thành máy dệt cơ khí dùng mô tơ điện nên năng suất lao động được nâng cao. Với hàng trăm máy dệt các loại, làng nghề đã cho ra số lượng lớn sản phẩm, tạo việc làm cho nhiều lao động trong làng .

Là làng nghề lớn, giá trị sản xuất lớn nhất so với các làng nghề trong tỉnh: năm 2002 giá trị sản xuất đạt 126 tỷ đồng và năm 2003 đạt 129 tỷ đồng. Phấn đấu năm 2004 và những năm tiếp theo giá trị sản xuất công nghiệp, TTCN của làng nghề đạt 150- 180 tỷ đồng và thu nhập từ gia công đạt từ 20- 25 tỷ đồng.

Về thu nhập từ nghề dệt ngày một tăng: năm 2002 thu nhập bình quân là 540.000 đồng/ người/ tháng, năm 2003 là 580.000 đồng/ người/ tháng. Cuộc sống của người dân làm nghề ngày càng được cải thiện, no ấm, cuộc sống tinh thần ngày một nâng cao.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước về cơ sở hạ tầng, làng Đại Hoàng luôn coi việc phát triển nghề dệt là động lực thúc đẩy các ngành nghề khác cùng phát triển. Làng nghề không ngừng đầu tư, cải tiến công cụ sản xuất, đổi mới công nghệ, thay đổi mẫu mã, đặc biệt là mạnh dạn đầu tư nhằm mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị máy móc để tăng năng xuất lao động; nhiều doanh nghiệp được thành lập và phát triển nhanh chóng và đã đầu tư hàng trăm triệu đồng vào nhà xưởng, máy móc thiết bị để phát triển sản xuất, cải thiện môi trường. Đến năm 2002 làng nghề đã đầu tư 89.000 triệu đồng và năm 2003 đầu tư 90.000 triệu đồng.

Cùng với kết quả về kinh tế trên, về mặt xã hội làng nghề luôn chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương. Làng luôn đóng góp nghĩa vụ đầy đủ với Nhà nước, hăng hái dẫn đầu các phong trào do xã, huyện phát động.

Năm 2004 làng nghề Đại Hoàng vinh dự được UBND tỉnh Hà Nam công nhận và cấp bằng làng nghề dệt truyền thống Đại Hoàng vì những kết quả đạt được của làng nghề.

LÀNG NGHỀ DƯA TRUYỀN THỐNG ĐẠI PHU

Địa chỉ: Thôn Đại Phu, xã An Đô, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

	<i>Năm 2002</i>	<i>Năm 2003</i>
Tổng vốn đầu tư SXKD(tr.đ):	1.862	2.295
Giá trị sản xuất (tr.đ):	3.356	4.039
Số lượng sản phẩm chủ yếu(sp):	5.594.000	6.773.000
<i>Trong đó:</i>		
-Dưa công nghiệp các loại (sp):	24.000	28.000
-Dưa mỹ nghệ các loại(sp):	160.000	174.000
-Dưa dân dụng các loại(sp):	5.410.000	6.531.000
Số hộ sản xuất, kinh doanh(hộ):	191	196
Số lao động (người):	385	403
Thu nhập bình quân(đ/ng/th):	280.000	300.000

Thôn Đại phu có nghề sản xuất dưa từ năm 1952. Các cụ trong làng kể rằng, nghề dưa xuất phát từ những

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

thợ xẻ gỗ, thợ mộc dùng dũa để dũa cưa, mà dũa lúc bấy giờ đắt và mua rất khó khăn. Vì vậy, các thợ này đã tự nghiên cứu, tìm tòi làm ra chiếc dũa. Do kiên trì học hỏi sáng tạo trong sản xuất nên nghề dũa đã được hình thành, ban đầu sản xuất ra với số lượng ít nên để dùng, dần dần mẫu mã, chất lượng dũa được nâng cao, sản phẩm đa dạng, giá thành hạ được đưa ra sử dụng rộng rãi, khách đến mua hàng ngày một đông, do đó ngày càng thu hút lao động vào làm việc, tính đến năm 2003 có 100% hộ và 100% lao động trong làng làm nghề dũa. Nghề dũa còn nhận thêm hàng trăm lao động khác trong xã về nhận việc làm trong từng cung đoạn sản xuất dũa. Chất lượng dũa được đảm bảo, có uy tín trên thị trường : sản phẩm dũa của làng đã 3 lần đạt huy chương Bạc tại Hội chợ Triển lãm Giảng Võ-Hà Nội và năm 1997 được tặng Bằng khen tại Hội chợ triển lãm cộng đồng Pháp ngữ tại Vân Hồ – Hà Nội. Do vậy, làng nghề mỗi năm đã sản xuất và tiêu thụ với số lượng lớn sản phẩm dũa trong nước và xuất khẩu đi nhiều nước: Lào, Campuchia, một số nước châu Phi..., năm 2002 bán được gần 6 triệu và năm 2003 bán được gần 7 triệu dũa các loại và doanh thu ngày càng tăng. Giá trị sản xuất của làng nghề ngày một tăng, năm 2002 đạt 3.356 triệu đồng chiếm tỷ trọng 80% giá trị sản xuất của làng, năm 2003 đạt 4.039 triệu đồng chiếm tỷ trọng 84% giá trị sản xuất của làng.

Về thu nhập của người dân làm dũa trong làng tuy không cao nhưng rất ổn định. Thu nhập bình quân năm

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

2002 là 280.000 đồng/ người/ tháng, năm 2003 là 300.000 đồng/ người / tháng. Có nhiều người có thu nhập cao 600.000 đến 750.000 đồng / tháng/ người. Do nghề dưa phát triển, người dân có thu nhập ổn định nên cuộc sống ngày càng được cải thiện, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng làng nghề luôn được quan tâm, đầu tư xây dựng.

Làng nghề thường xuyên đầu tư máy móc thiết bị cho sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao kỹ thuật chất lượng sản phẩm để giữ uy tín với khách hàng, cải thiện môi trường ; thường xuyên mở rộng thị trường tiêu thụ và phấn đấu sản xuất đến đâu bán hết đến đó, không để hàng tồn đọng, tăng thu nhập cho người lao động; hàng năm nhận lao động nơi khác đến làm việc và học nghề.

Ngoài những kết quả trên, làng nghề luôn phát huy truyền thống cách mạng, chấp hành tốt chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, các nội quy, quy ước của làng; phấn đấu xây dựng quê hương giàu đẹp, tham gia các phong trào đóng góp ủng hộ các quỹ hỗ trợ xã hội, góp phần xây dựng đất nước. Phấn đấu năm 2004 có 100% số hộ đạt gia đình văn hoá và làng Đại Phú đạt làng văn hoá cấp Tỉnh.

Năm 2004, làng nghề vinh dự được UBND tỉnh Hà Nam cấp Bằng công nhận làng nghề truyền thống dưa Đại Phú vì những kết quả đạt được và những đóng góp của làng nghề.

**NGHỆ NHÂN,
THỢ GIỎI,
NGƯỜI CÓ CÔNG
ĐƯA NGHỀ MỚI VỀ
TỈNH HÀ NAM**

10 NGHỆ NHÂN CỦA LÀNG NGHỀ HÀ NAM



Ông NGUYỄN VĂN THỨC
Mây giang đan Ngọc Động
Hoàng Đông - Duy Tiên



Ông NGUYỄN VĂN MINH
Mây giang đan Ngọc Động
Hoàng Đông - Duy Tiên



Ông NGUYỄN VĂN NẮNG
Mây giang đan Ngọc Động
Hoàng Đông - Duy Tiên



Ông PHẠM VĂN HỒNG
Trống Đọi Tam
Đọi Sơn - Duy Tiên



Ông NGUYỄN VĂN TẮT
Trống Đọi Tam - Đọi Sơn - Duy Tiên



Ông NGUYỄN VĂN BA
Sùng Đô Hai - An Lão - Bình Lục



Ông NGUYỄN THẾ KIỆM
Sùng Đô Hai - An Lão - Bình Lục



Ông NGUYỄN ĐÌNH QUYẾN
Thêu An Hòa - Thanh Hà - Thanh Liêm



Ông NGUYỄN TIẾN LẠC
Thêu An Hòa - Thanh Hà - Thanh Liêm



Ông NGUYỄN ĐỨC THỤY
Thêu Hòa Ngãi - Thanh Hà - Thanh Liêm

A. VỀ NGHỆ NHÂN

I. Nghệ nhân làng nghề mây giang đan Ngọc Động - Hoàng Đông - Duy Tiên.

1. Ông NGUYỄN VĂN THỨC

Năm sinh: 1938

- Có gần 50 năm trong nghề mây giang đan.
- Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; Có đạo đức lối sống gương mẫu.
- Từ năm 1965 đến năm 1971 làm tổ trưởng kỹ thuật chuyên nghiên cứu mẫu mã: đã làm ra các mẫu 947; 946; 930...
- Hướng dẫn cho nhiều lao động trở thành thợ giỏi, kinh doanh giỏi.
- Nhiều năm đạt lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua và 01 Huy chương hạng 3.
- Về sản phẩm:
 - + Những sáng tác mẫu mã đạt trình độ nghệ thuật cao: Đập bụi E, đập số 8.
 - + Những sản phẩm đạt trình độ cao: Ghế tònè, salông Trúc Tiên.
 - + 01 sản phẩm độc đáo nhất: Cây áo ghe chao ngồi (xích đu).

LÀNG NGHỀ HÀ NAM

2. Ông NGUYỄN VĂN MINH

Năm sinh: 1941

- Có hơn 40 năm trong nghề mây giang đan.
- Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; Có đạo đức lối sống gương mẫu.
- Luôn sáng tạo, cải tiến trong sản xuất nhằm tăng năng xuất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Cùng tập thể sáng tác ra các mẫu mã: 947; 946; 930...
- Mở được 03 lớp học (Kết hợp với tổ kỹ thuật) với 170 học viên.
- Hướng dẫn cho nhiều lao động trở thành thợ giỏi, kinh doanh giỏi.
- *Về sản phẩm:*
 - + Những sáng tác mẫu mã đạt trình độ nghệ thuật cao: Cây đèn cô gái Việt Nam, Chùa Một Cột.
 - + Những sản phẩm đạt trình độ cao: Giường ngủ, ghế nằm của nhà sàn Bác Hồ.
 - + 01 sản phẩm độc đáo nhất: Cây đèn ngủ dáng cô gái Việt Nam.

3. Ông NGUYỄN VĂN NẮNG

Năm sinh: 1933

- Có 55 năm trong sản xuất và nghiên cứu hàng mây giang đan.